

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 109/2024/DSST

Ngày: 22/5/2024

Vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Xuân Ánh**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương**

2. Bà **Nguyễn Minh Phương**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Diệp** - Cán bộ tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024, về vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2024/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2024/QĐST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu P**, sinh năm: 1968

Địa chỉ: **Số F, M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ;**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu Hoàng D**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: **Số B, Đ, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.** (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông **Nguyễn Hữu P** trình bày:

Vào ngày 24/8/2020, ông **Nguyễn Hữu P** có thỏa thuận cho ông **Nguyễn Hữu Hoàng D** vay số tiền là 2.274.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là đến hết ngày 02/01/2021; Số tiền vay đã được giao cho ông **D** vào ngày 02/8/2020; Thỏa thuận cụ thể sẽ thanh toán 05 đợt:

- Đợt 1 ngày 20/9/2020 bên B ông **D** phải thanh toán cho bên A ông **P** 500.000.000 đồng;

- Đợt 2 ngày 02/10/2020 bên B ông **D** phải thanh toán cho bên A ông **P** 500.000.000 đồng;

- Đợt 3 ngày 02/11/2020 bên B ông **D** phải thanh toán cho bên A ông **P**

400.000.000 đồng;

- Đợt 4 ngày 02/12/2020 bên B ông **D** phải thanh toán cho bên A ông **P**

400.000.000 đồng;

- Đợt 5 ngày 02/01/2021 bên B ông **D** phải thanh toán cho bên A ông **P**

474.000.000 đồng;

Việc vay không có thỏa thuận lãi suất. Hai bên có làm hợp đồng vay tiền ngày 24/8/2020, được **Văn phòng C**, quyển số: 04/2020/TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày. Tuy nhiên sau khi vay, khi đến hạn ông **D** không trả nợ cho đến nay.

Nay nguyên đơn ông **P** yêu cầu bị đơn ông **D** phải có trách nhiệm trả số nợ vốn 2.274.000.000 đồng.

Đối với bị đơn ông **Nguyễn Hữu Hoàng D** mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa bằng phương thức niêm yết, nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án không thu thập được lời khai, cũng như không tiến hành hòa giải vụ án được theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông **Nguyễn Hữu P** yêu cầu bị đơn ông **D** phải có trách nhiệm trả số nợ vốn 2.274.000.000 đồng.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Đối với Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng theo Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đã xác định đúng về thẩm quyền theo loại việc, theo cấp xét xử và lãnh thổ; về quan hệ pháp luật tranh chấp là đúng; xác định đúng tư cách đương sự; việc thu thập chứng cứ; gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định.

- Đối với Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thủ tục điều khiển tại phiên tòa; Xét xử vắng mặt đương sự đúng quy định;

- Đối với các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt;

- Về nội dung giải quyết vụ án; Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số nợ vốn 2.274.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1].Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn cư trú tại **quận N, thành phố Cần Thơ** nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại **Đ** a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn ông **Nguyễn Hữu Hoàng Duy q** xác minh được **Công an phường T, quận N** xác định ông **D** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ **số B, Đ, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ**, địa chỉ này cũng là địa chỉ mà ông **D** ghi trong hợp đồng vay tiền có công chứng, nhưng hiện tại ông **D** đi đâu làm gì, không báo địa phương, nên địa phương không rõ. Nên Tòa án đã tiến hành tổng đạt bằng phương

thức niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần theo quy định tại Khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Qua yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử, xét thấy :

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Hữu Hoàng D đòi lại số tiền nợ gốc 2.274.000.000 đồng trong hợp đồng vay tài sản, đã cung cấp được chứng cứ là hợp đồng vay tiền ngày 24/8/2020 và trong hợp đồng vay tiền các bên cũng đã ghi nhận ông bên A ông P giao tiền cho ông D bên B vào ngày 02/8/2020, đã được Văn phòng C công chứng cùng ngày. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hòa giải cho ông D bằng phương thức niêm yết đúng quy định. Ngoài ra theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định “*Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới*”. Việc ông D sau khi vay nợ của nguyên đơn ông P, hiện nay qua xác minh của Công an phường T, quận N ông không còn sinh sống tại địa chỉ nơi đăng ký thường trú, (địa chỉ này đã được ghi trong hợp đồng vay tiền), khi chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ và không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn là thuộc trường hợp giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ.

Ngoài ra theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Luật Công chứng có quy định: “*Hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu*”. Tại Điểm c Khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự cũng quy định những tình tiết sự kiện không phải chứng minh là những tình tiết, sự kiện đã ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp.

Dó đó với những chứng cứ như đã phân tích nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng vay tiền do đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất, hiện nguyên đơn không có yêu cầu, nên ghi nhận;

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về ý kiến phát biểu nhận xét việc chấp hành Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, của các đương sự và đề nghị nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463; 466; 470 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông **Nguyễn Hữu P**

- Buộc bị đơn ông **Nguyễn Hữu Hoàng D** phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông **Trương Hữu P1** số tiền nợ vốn là **2.274.000.000** đồng (Hai tỷ, hai trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Về án phí dân sự sơ thẩm : Bị đơn ông **Nguyễn Hữu Hoàng D** phải nộp **77.480.000** đồng (Bảy mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

-Nguyên đơn ông **Nguyễn Hữu P** được nhận lại tiền tạm ứng án phí **38.740.000 đồng** (Ba mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000604, ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND quận Ninh Kiều;
- Chi cục THADS quận Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

BÙI XUÂN ANH